

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN,
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 927/2019/ HNGĐ-ST
Ngày 30-9-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Trần Duyên Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Đông.
2. Ông Nguyễn Hoàng Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nương là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phúc – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 701/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Q, cư trú tại: Số nhà X, đường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Minh T, cư trú tại: Số nhà X, đường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 7 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Q trình bày:

Chị và anh Nguyễn Minh T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 13-01-1999 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Q. Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến

năm 2010 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T ít lo làm ăn, thường xuyên rượu chè về gây gổ với chị; đến năm 2015 – 2016, mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn. Vào thời điểm đó, chị đã đưa đơn ly hôn nhưng sau đó chị rút đơn vì nghĩ đến các con còn nhỏ và anh T hứa sẽ thay đổi. Tuy nhiên, từ đó đến nay anh T không hề thay đổi mà còn nhiều lần hành hung, dọa nạt, đánh đập chị. Cho nên, chị xin được ly hôn.

Vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Thu H (sinh ngày 20-01-2000) và Nguyễn Thị Thùy V (sinh ngày 08-11-2001), sức khỏe bình thường, đang ở với vợ chồng chị. Hiện tại, sức khỏe của chị bình thường, chị không có mang thai. Vì cháu H đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị xin nuôi cháu V và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

* Tại bản khai đề ngày 09 tháng 8 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Minh T trình bày:

Anh thống nhất về thời gian, điều kiện kết hôn và con chung như chị Q trình bày. Quá trình chung sống, vợ chồng anh không hòa thuận nên thường xuyên cãi vã nhau. Anh thừa nhận anh có ăn nhậu, nhưng anh không đánh đập mà chỉ hăm dọa, kẹp cổ chị Q không có gây thương tích. Anh nghi ngờ chị Q có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác cho nên mới tỏ thái độ với anh. Vợ chồng anh vẫn ở chung với nhau bình thường. Do đó, anh không đồng ý ly hôn vì các con đang tuổi ăn học, nếu cha mẹ ly hôn sẽ ảnh hưởng đến tâm lý của các cháu. Nếu chị Q vẫn cương quyết ly hôn thì các con do chị Q chăm sóc, nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

* Ý kiến của cháu Nguyễn Thị Thùy V: Nếu cha mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu là ở với mẹ.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho ly hôn, giao con chung cho chị Q nuôi, ghi nhận sự tự nguyện của chị Q không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, buộc đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Phạm Thị Q có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung. Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh Nguyễn Minh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Chị Phạm Thị Q và anh Nguyễn Minh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Q vào ngày 13-01-1999, không vi phạm điều kiện kết hôn, nên hôn nhân giữa chị Q và anh T là hôn nhân hợp pháp.

[4] Lời khai của chị Q, anh T về tình trạng hôn nhân phù hợp với các Biên bản xác minh tại địa phương ngày 12-8-2019 và ngày 20-8-2019 (các Bút lục số 29, 38). Khoảng 03 năm trở lại đây, vợ chồng chị Q, anh T thường xuyên cãi vã, to tiếng qua lại, nguyên nhân là do anh T nhậu say về to tiếng với vợ con, gần đây còn có những hành vi bạo lực đối với chị Q và đã bị Công an phường Đống Đa xử phạt vi phạm hành chính. Năm 2016, chị Q đã từng gửi đơn ly hôn ra Tòa án, sau đó được Tòa phân tích, động viên nên chị Q đã tự nguyện rút đơn. Đến nay, tình trạng đó chẳng những không được cải thiện mà còn trở nên nghiêm trọng hơn. Tòa cũng đã kiên trì hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị Q vẫn kiên quyết xin ly hôn, còn anh T không có biện pháp nào để hàn gắn mối quan hệ hôn nhân đã rạn nứt. Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Q, anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, theo khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa chấp nhận cho ly hôn.

[5] Về con chung, cháu Nguyễn Thị Thu H (sinh ngày 20-01-2000) đã trên 18 tuổi, sức khỏe bình thường nên có quyền tự do lựa chọn được ở với cha hoặc mẹ; cháu Nguyễn Thị Thùy V (sinh ngày 08-11-2001) có nguyện vọng được ở với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Xét điều kiện, hoàn cảnh của các bên cũng như yêu cầu nuôi con của chị Q phù hợp với nguyện vọng của cháu V, theo Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa chấp nhận giao cháu V cho chị Q chăm sóc, nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của chị Q không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung, các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm, theo điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Q phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Q và anh Nguyễn Minh T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Chị Phạm Thị Q và anh Nguyễn Minh T có 02 con chung là Nguyễn Thị Thu H (sinh ngày 20-01-2000) và Nguyễn Thị Thùy V (sinh ngày 08-11-2001), hiện tại đang ở với cha mẹ.

2.2. Giao cháu V cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Q không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng nếu lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị Q phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001742 ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Quy Nhơn;
- UBND P. T, Tp. Q;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Trần Duyên Anh